TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20-01-2026
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kiều Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Nghiêm

Ông Lê Văn Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trần Vy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chăm – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh xét xử công khai vụ án thụ lý số 130/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 về "Ly hôn*"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Kiều P**, sinh năm 1973;
Địa chỉ: Ấp C, xã M, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*: Ông **Võ Văn T**, sinh năm 1975;
Địa chỉ: Ấp G, xã M, tỉnh Tây Ninh.

(Bà P, ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/8/2025 và các lời trình bày của bà Nguyễn Thị Kiều P có nội dung:

Năm 2003, bà P quen biết và kết hôn với ông Võ Văn T nhưng đến năm 2006 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Long An. Bà và ông T chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T ăn nhậu bê tha, không quan tâm chăm sóc gia đình, thường xuyên hành hung bà P nên cuộc sống vợ chồng

không hạnh phúc. Hiện bà P và ông T không còn chung sống. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: bà và ông T có 01 con chung tên Võ Hoàng T1 sinh ngày 12/11/2004 đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 18/11/2025, bà P có văn bản đề nghị Tòa án xem xét cho bà được vắng mặt trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

Bị đơn, ông Võ Văn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án:

Ông Võ Văn T đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, không có văn bản thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu ly hôn của bà P. Phiên tòa hôm nay, ông T cũng vắng mặt dù đã được tống đạt giấy báo hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ có đủ cơ sở nhận định quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà P đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P.

Về con chung: ông T và bà P có 01 con chung đã trưởng thành nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Do bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Kiều P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn T có địa chỉ cư trú tại xã M, tỉnh Tây Ninh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kiều P, Bị đơn là ông Võ Văn T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập ông T đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng ông T không chấp hành. Riêng bà P đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều P và ông Võ Văn T tự tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại xã M, huyện T, tỉnh Long An năm 2006 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà P thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về tình cảm, quan điểm, lối sống nên thường hay cãi vã, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, biết được việc bà P yêu cầu ly hôn với ông nhưng ông không đưa ra những biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà P. Như vậy, chứng tỏ rằng trong cuộc sống vợ chồng giữa bà P và ông T đã có những mâu thuẫn không giải quyết được. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà P và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà P là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà P và ông T có 01 con chung tên Võ Hoàng T1 sinh ngày 12/11/2004. Hội đồng xét xử xét thấy, con chung của ông T và bà P đã trưởng thành, có thể tự lập nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án trên là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 103 và Điều 107 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kiều P, cho bà Nguyễn Thị Kiều P ly hôn với ông Võ Văn T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Kiều P phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Chuyển số tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0006786 ngày 10/10/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Tây Ninh thành án phí dân sự sơ thẩm, bà P đã nộp xong.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:**
- TAND tỉnh TN;
- VKSND cùng cấp;
- THA cùng cấp;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Kiều Trinh